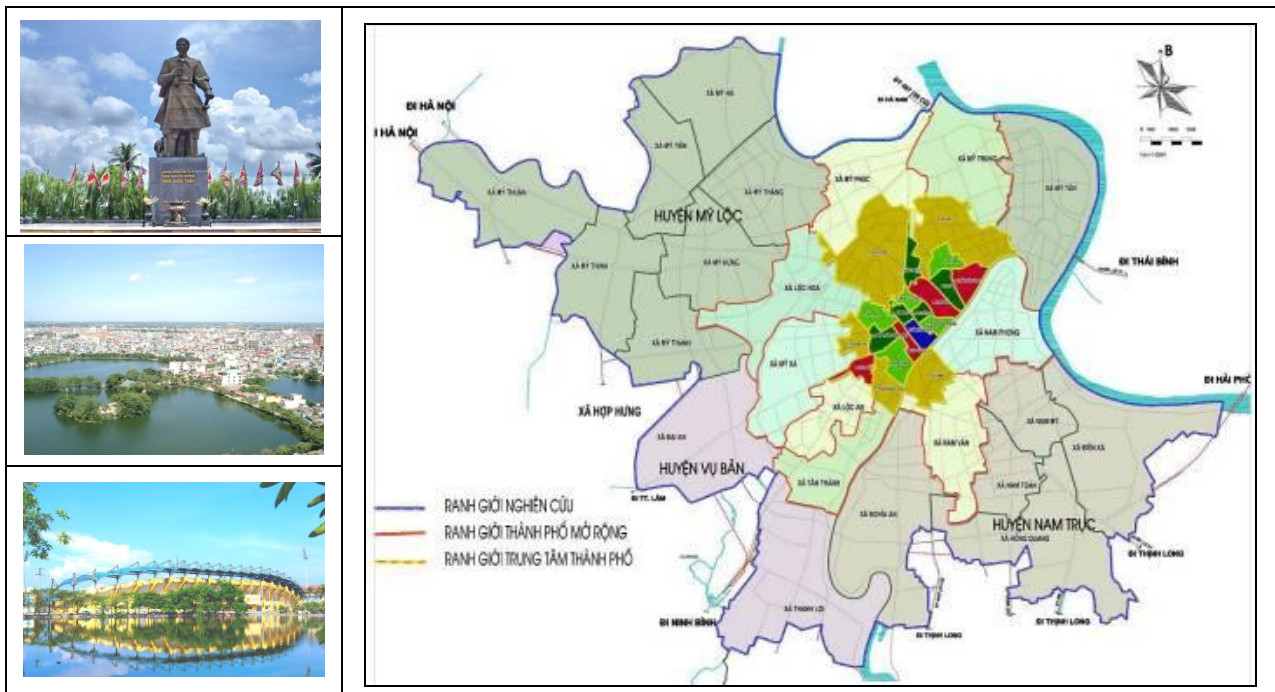


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH
CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
NĂM 2024



NĂM 2024

Số: /ĐA-UBND

TP. Nam Định, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN
ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH NĂM 2024

I. ĐẶT ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

1. Đặc điểm tình hình

Thành phố Nam Định nằm ở phía Bắc của tỉnh Nam Định cách Thủ đô Hà Nội 90km về phía Tây Bắc, cách thành phố Thái Bình - tỉnh Thái Bình 18km và cách thành phố Hải Phòng 90km về phía Đông Bắc, cách thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình 28km về phía Tây Nam, cách thành phố Phủ Lý, Hà Nam 30km về phía Tây Bắc. Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa của tỉnh Nam Định, có vị trí địa lý thuận lợi khi tiếp giáp với vùng Thủ đô, đồng thời nằm tại vị trí trung tâm của tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng.

Trong những năm gần đây, với việc nhiều dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố đã được thực hiện nhằm cụ thể hoá các quy hoạch xây dựng đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến nay thành phố Nam Định đã có những bước phát triển mạnh mẽ trên các mặt kinh tế - xã hội với tốc độ đô thị hóa nhanh, bộ mặt đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ đã đạt được những kết quả khả quan.

Cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển, diện mạo đô thị đổi thay. Các công trình trọng điểm được hoàn thành và đưa vào sử dụng tạo điểm nhấn cho thành phố như: Cầu Tân Phong, đường nối Quốc lộ 10- Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38B, hạ tầng khu đô thị mới Hoà Vượng, Thống Nhất, Mỹ Trung, Khu đô thị phía Nam Sông Đào, Khu đô thị Dệt, Khu Tái Định Cư Liên Hà..và tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố.... Các khu đô thị mới, khu dân cư được đầu tư xây dựng đã và đang phục vụ nhu cầu nhà ở cho nhân dân, như Khu đô thị Dệt may, Mỹ Trung, Khu đô thị phía Nam sông Đào...

Ngày 18/6/2021 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định giai đoạn 2021 – 2025, với mục tiêu Xây dựng, phát triển thành phố Nam Định nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, có bản sắc riêng; là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa và thể thao, giáo dục và đào tạo, y tế; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân

được nâng lên, ngang tầm với các thành phố loại I của cả nước; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo vững chắc.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, thành phố Nam Định đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nam Định (tại QĐ số 2106/QĐ-TTg ngày 28/11/2011). Tốc độ đô thị hóa nhanh, phạm vi xây dựng đô thị ngày càng mở rộng, cùng với việc phát triển khai khu công nghiệp tập trung, khu đô thị mới... Tuy nhiên, hiện nay thành phố Nam Định những tồn tại, hạn chế như quy mô thành phố nhỏ so với các đơn vị hành chính khác, hạn chế khả năng thu hút đầu tư phát triển đô thị, khó khăn trong việc tạo lập các hoạt động kinh tế; mật độ dân cư cao dẫn đến công tác quản lý hành chính- dân cư có nhiều khó khăn. Trên cơ sở tồn tại, hạn chế, thành phố Nam Định đã được Thủ tướng chính phủ Quyết định công nhận thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng địa giới hành chính), tỉnh Nam Định đạt tiêu chí đô thị loại II (tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 05/5/2024), khắc phục các chỉ tiêu còn thiếu, còn yếu để phấn đấu đến năm 2030 phát triển đô thị thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng địa giới hành chính) đáp ứng tiêu chí đô thị loại I theo định hướng quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Sự cần thiết lập đề án

Để đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, nhằm phục vụ cho việc quản lý hành chính, quản lý đô thị và nhằm mục đích giáo dục lịch sử, văn hoá, nâng cao nhận thức về tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào của nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định về những danh nhân, anh hùng, các địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu. Do đó việc đặt tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là hết sức cần thiết, phù hợp với sự đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thành phố, đáp ứng mong muốn của chính quyền các cấp và nguyện vọng của nhân dân.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính Phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Nghị định 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Nghị định 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 11/2010/NĐ-CP

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng theo Nghị định số: 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính Phủ;

- Các Quyết định của UBND tỉnh, HĐND tỉnh về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố qua các thời kỳ.

- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-HĐTV ngày 11/10/2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Nam Định phê duyệt Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Nam Định.

- Căn cứ Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND thành phố về việc thành lập Ban xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, tên phố và công trình công cộng năm 2023;

- Căn cứ Thông báo số 667-TB/TU ngày 22/9/2023 của Thành ủy Nam Định về Kết luận của Thường trực thành ủy tại Hội nghị giao ban tuần ngày 22/9/2023;

- Căn cứ Thông báo số 671-TB/TU ngày 28/9/2023 của Thành ủy Nam Định về Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung tại Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy ngày 28/9/2023;

- Các tài liệu khác:

+ Các quyết định bổ sung dữ liệu tên đường, phố và công trình công cộng vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

+ Bản đồ quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; các bản đồ quy hoạch phân khu 1/2000 phường, xã; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực Khu đô thị, Tái Định cư đã được phê duyệt.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, TÊN PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG.

1. Mục đích:

- Việc đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính trên địa bàn thành phố Nam Định;

tao điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thông qua địa chỉ số nhà, tên đường, tên phố phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quan hệ giao dịch kinh tế, văn hoá - xã hội với các tỉnh, thành phố và ngược lại;

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố ngày càng văn minh, hiện đại.

- Nâng cao tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc về truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông và là bài học lịch sử cho thế hệ sau, đáp ứng nguyện vọng cử tri và nhân dân; Góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc và cách mạng cho các thế hệ người dân trên địa bàn.

2. Yêu cầu:

- Việc đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố phải đảm bảo các quy định của pháp luật, tính khoa học, tính xã hội và ổn định lâu dài.

- Tất cả các đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên.

- Căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường, phố và công trình công cộng để đặt tên tương xứng với ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân.

- Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.

3. Khái niệm đường, phố và công trình công cộng

- Đường là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị có quy mô lớn về chiều dài, chiều rộng, gồm các trục chính trên địa bàn đô thị, các tuyến vành đai, liên tỉnh.

- Phố là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị, hai bên phố thường có các công trình kế tiếp nhau như nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu.

- Công trình công cộng trong Quy chế này bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hoá - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí.

4. Nguyên tắc đặt tên.

4.1. Nguyên tắc chung.

- Việc đặt tên đường, phố phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP

ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010; Nghị định 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ và Quy chế này. Tuân thủ Luật giao thông đường bộ về hướng tuyến trên các đường được đặt tên.

4.2. Nguyên tắc cụ thể:

- Giữ ổn định đối với các tuyến đường, phố đã có tên đường, tên phố chỉ đặt tên đối với các tuyến đường, phố theo tiêu chí theo điều 4, Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

- Đặt tên đường, phố phải đảm bảo khoa học, phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch vùng, không gây xáo trộn cho công tác quản lý, không trùng lặp; điểm đầu điểm cuối của đường, phố đặt theo hướng Bắc- Nam; Đông- Tây hoặc từ trung tâm hành chính của tỉnh, thành phố đến phường, xã hoặc từ Quốc lộ đến trung tâm hành chính của tỉnh, thành phố, phường, xã (*Mục 3, Điều 3 nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010*).

- Tên lựa chọn đề xuất đã được phê duyệt theo danh mục “Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Nam Định” đã được Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng tỉnh Nam Định phê duyệt.

- Đề xuất lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh của địa phương, tên danh nhân tiêu biểu, có công với Tổ quốc, với quê hương Nam Định đã được lịch sử ghi nhận; trong đó ưu tiên đặt tên theo địa danh có liên quan đến khu vực đó hoặc những người quê Nam Định, hoạt động trên địa bàn Nam Định, có công lao với nhân dân Nam Định đã mất và được tôn vinh qua các thời kỳ lịch sử.

- Quy mô của đường, phố phải phù hợp với công lao, đóng góp đối với dân tộc, cách mạng và quê hương Nam Định ở các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, xã hội... của danh nhân mà đường, phố được mang tên, các danh nhân cùng thời kỳ lịch sử nên đặt tên cho các đường, phố ở cùng một khu vực.

- Không dùng tên nhân vật, tên sự kiện lịch sử chưa được xác định rõ ràng hoặc còn đang tranh luận và các tên không có ý nghĩa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không đặt tên đường bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn đô thị.

- Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối tên đường, tên phố đã được đặt tên, nghiên cứu đề xuất điều chỉnh điểm cuối tuyến đường để giữ sự ổn định trong khu vực.

4.3. Phương thức lựa chọn đặt tên đường, phố

- Việc đặt tên đường có thể lựa chọn một trong các phương thức sau: Tên sự kiện lịch sử, cách mạng, kháng chiến; tên địa danh đã quen gọi từ xa xưa, ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân gắn với khu vực phường, xã; tên di tích lịch sử - văn hoá; danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội; tên danh nhân, nhân vật lịch sử có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc, của tỉnh, thành phố Nam Định... Ưu tiên lựa chọn tên các danh nhân, nhân vật được sinh ra tại thành phố Nam Định; tỉnh Nam Định hoặc là người địa phương khác có cuộc đời sự nghiệp gắn bó với Nam Định; những địa danh, sự kiện lịch sử tiêu biểu của thành phố Nam Định và tỉnh Nam Định.

- Tên các sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng, kháng chiến phải là những sự kiện lịch sử, phong trào cách mạng và những chiến thắng chống xâm lược tiêu biểu đã được ghi nhận trong lịch sử thành phố Nam Định, lịch sử tỉnh Nam Định và ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân.

- Tên địa danh được chọn phải là những địa danh có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa và đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân (tên cũ của làng, xã) hoặc tên địa phương kết nghĩa có mối quan hệ đặc biệt.

- Tên di tích lịch sử văn hoá, danh lam, thắng cảnh được chọn phải là những di tích, danh thắng tiêu biểu, quen thuộc với nhân dân thành phố Nam Định và đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

- Tên danh nhân, nhân vật lịch sử được chọn phải là người tiêu biểu, có đức, có tài, có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng, bảo vệ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và của đất nước.

5. Quy cách biển tên đường, phố.

- Kích thước: Hình chữ nhật; dài 75,0cm, rộng 35,0cm

- Màu sắc: Xanh lam sẫm; đường viền trắng rộng 0,7cm cách mép ngoài của biển từ 2,5cm đến 3,0cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong.

- Chất liệu: Kim loại, được sơn phủ chất liệu phản quang.

- Chữ viết trên biển: Kiểu chữ in hoa không có chân, màu trắng; từ "đường" ở dòng trên, chiều cao của chữ 6,0cm; từ tên đường ở dòng dưới, chiều cao của chữ 12,0cm.

- Vị trí gắn biển: Biển được gắn ở đầu, ở cuối đường và các điểm giao nhau với đường khác; biển được gắn trên đầu cột kim loại hình trụ tròn, đường kính tối thiểu của cột là 10,0cm; cột được chôn vững chắc, khoảng cách từ mặt đất đến đầu cột là 250,0cm; vị trí chôn cột ở gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường giao nhau; hai biển của hai đường giao nhau được gắn vuông góc với nhau trên một cột. Trong trường hợp tại nơi gắn biển có cột điện ở vị trí thích hợp thì biển có thể được gắn trên cột điện đó.

6. Danh sách đề xuất đặt tên đường, phố và công trình công cộng năm 2024 trên địa bàn thành phố.

6.1. Tuyến đường, phố đề xuất đặt tên mới: 64 (10 địa bàn phường, xã, tại 12 khu vực phường xã hiện hữu, các khu đô thị, tái định cư, dự án), trong đó:

- Đặt tên mới: 12 tên đường
- Đặt tên mới: 52 tên phố

6.2. Tuyến đường, phố đề xuất điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối: 05 (địa bàn 04 phường, xã tại 05 khu vực phường, xã hiện hữu, khu đô thị), trong đó:

- Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối tên đường: 04 tên đường
- Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối tên phố : 01 tên phố

IV. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

A. BẢNG TỔNG HỢP TÊN ĐƯỜNG, TÊN PHỐ ĐẶT MỚI

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|----------|--|--|----------------------------------|-------------|----------------------|--------------------------|--|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| I | Phường Lộc Vượng: 03 tuyến (03 tên đường) | | | | | | |
| | Tên đường: 03 | | | | | | |
| 1 | Vĩnh Trường | Tức Mặc (Ngã 3 cổng trường cấp tiểu học Lộc Vượng) | Tức Mặc (Ngã 3 Đình Vĩnh Trường) | 600 | (2-3)+ 5+ (2-3) | ĐƯỜNG VĨNH TRƯỜNG | Vĩnh Trường: Khu dân cư Vĩnh Trường cũ, Phường Lộc Vượng: tên gọi được người dân quen gọi. |
| 2 | Đường Cầu Đông | Trần Thái Tông | Cầu Ông Thuật | 800 | (1-3)+ (5-7) + (1-3) | ĐƯỜNG CẦU ĐÔNG | Cầu Đông: Khu dân cư Vĩnh Trường cũ, Phường Lộc Vượng: tên gọi được người dân quen gọi. |
| 3 | Đường Vĩnh Mạc | Ngã 5 Đình Tức Mặc | QL10, giao Trần Tự Khánh | 600 | 5,5: 0,5+4+1 | ĐƯỜNG VĨNH MẠC | Vĩnh Mạc: Khu dân cư Vĩnh Trường cũ, Phường Lộc Vượng: tên gọi được người dân quen gọi. |

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|-----------|--|----------------------|-------------------------------|-------------|------------|-------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| II | Phường Lộc Hoà: 09 tuyến (04 tên đường và 05 tên phố) | | | | | | |
| | Tên đường: 04 | | | | | | |
| 1 | Đường từ đường sắt đến Trại Vy | Điện Biên (Cầu Ốc) | Trại Vy | 600 | 5 | ĐƯỜNG TRẠI VI | Trại Vi: là tên địa danh cũ của thành phố Nam Định thuộc phường Lộc Hoà |
| 2 | Đường nối từ QL21A đến QL21B | Điện Biên (Cầu Ốc) | QL 21B (Đại lộ Thiên Trường). | 1.004 | 3+8+3 | ĐƯỜNG VĨNH GIANG | Vĩnh Giang .Tên địa danh cũ gắn với con sông cổ của thành phố Nam Định. Bắt nguồn từ cống Đệ Tứ, chảy qua Văn Hưng, vòng về phía sau làng Tứ Mực, qua Phú Ốc chảy vào huyện Vụ Bản. |
| 3 | Đường từ cầu Bà út đến hết địa phận xã Lộc Hoà | Lương Xá (Cầu bà Út) | Hết địa phận Lộc Hoà | 1100 | 1,5+5+1,5 | ĐƯỜNG VĂN HƯNG | Văn Hưng: Là tên một Nhà học ở Phủ Thiên Trường. Năm 1281, vua Trần Nhân Tông, cho xây dựng ở làng Văn Hưng một khu trường học, giảng văn, bình thơ. Chính ở nơi đây, đến đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1371) nhà vua mở khoa thi hội, thi đình. Thiên Trường là nơi nhà Trần lập nhà Học, dấu mốc khởi đầu cho truyền thống khuyến học, hiếu học, của vùng đất này. Nơi đây là quê hương của nhiều vị đại khoa, trí thức nổi tiếng của đất nước như các trạng nguyên Nguyễn Hiền, Đào Sư Tích, Lương Thế Vinh, Vũ Tuấn Chiêu, Trần Văn Bảo... |

| | | | | | | | |
|--------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----|-----|-----------------------|--|
| 4 | Đường đi Mỹ Thắng | Điện Biên | Cầu Chéo | 700 | 6 | ĐƯỜNG HỒNG HÀ | Đồng chí Hồng Hà (tên khai sinh Hà Văn Trường) (1928-2011), quê quán thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945. Đồng chí đã giữ nhiều trọng trách quan trọng của Đảng: Đại biểu Quốc hội khóa IX, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Trợ lý Tổng Bí thư, Tổng thư ký Hội đồng Lý luận trung ương, phó Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa V, Ủy viên Trung ương Đảng khóa VI, khóa VII, Bí thư Trung ương Đảng khóa VII b. Đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng nhì, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất và nhiều huân, huy chương cao quý khác. |
| Tên phố: 05 | | | | | | | |
| 1 | Tổ dân phố số 1 Tân An | Đường Điện Biên | Đường Trương Hán Siêu | 380 | 5,7 | PHỐ PHAN LƯƠNG | Phan Lương (?- 43) quê ở Vĩnh Bình, xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, đạo Sơn Nam, nay là phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định. Ông giỏi văn chương, võ nghệ; đã tập hợp lực lượng, sắm sửa vũ khí theo Hai Bà Trưng đánh Thái thú Tô Định. Sau chiến thắng ông được phong làm là Linh Ứng đại vương. Trước sức mạnh của quân Mã Viện, ông tuần tiết theo Hai Bà Trưng. |

| | | | | | | | |
|---|---|-------------------|--------------------|-----|-----------|-------------------------|---|
| 2 | Tổ dân phố số 2 Tân An | Đường Điện Biên | Nguyễn Công Trứ | 500 | 6 | PHỐ VŨ CÔNG ĐỘ | Vũ Công Độ (1805-?) người xã Vị Hoàng, huyện Mỹ Lộc, nay là phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Minh Mệnh 13 (1832), bổ làm quan Thái bộc tự khanh, quyền Bộ chánh tỉnh Thái Nguyên. Ông có bài thơ nói về Trần Quốc Tuấn, khi tới thăm đền Cổ Trạch. |
| 3 | Tổ dân phố số 3 Tân An | Điện biên | Nghĩa trang Tân An | 450 | 5 | PHỐ PHÚC CHÂU | Phúc Châu Tên địa danh cũ của thành phố Nam Định. |
| 4 | Đường phía Bắc, giáp Công viên Prato | Nguyễn Bình Khiêm | Trần Anh Tông | 110 | 4+7+4 | PHỐ BÙI HUY BÍCH | Bùi Huy Bích (1744-1818) là một danh sĩ thời Hậu Lê, người làng Định Công. Ông xuất thân trong một gia đình giàu truyền thống khoa cử. Năm 1762, đời vua Lê Hiển Tông, ông thi đỗ Hương cống. Năm 1769, ông đỗ Tiến sĩ, được bổ Hiệu lí Hàn Lâm viện, rồi thăng làm Thiên sai tri hộ phiên, kiêm Đông các hiệu thư. Năm 1777, ông làm Đốc đồng Nghệ An. Năm 1778, ông làm Hiệp trấn Nghệ An, kiêm Tả thị lang Bộ Lại, tước Kế Liệt hầu. Khi Gia Long lên ngôi vội ông ra làm quan, song ông từ chối. Ông mất năm 1818, thọ 74 tuổi. |
| 5 | Đường từ sông Vĩnh Giang đến nhà thờ Phú Ốc | Sông Vĩnh Giang | Nhà thờ Phú Ốc | 308 | 1,5+3+1,5 | PHỐ PHÚ ỐC | Phú Ốc. Tên làng cổ, nay thuộc phường Lộc Hòa |

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|------------|--|----------------------------|-----------|-------------|------------|---------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| III | Phường Mỹ Xá, xã Lộc An: 04 tuyến (01 tên đường và 03 tên phố) | | | | | | |
| | Tên đường: 01 | | | | | | |
| 1 | Tổ dân phố Trung | Đường Trần Huy Liệu (1279) | QL10 | 2000 | 5 | ĐƯỜNG VŨ MÃO | Vũ Mão (19 tháng 12 năm 1939 - 30 tháng 5 năm 2020) là một chính khách, nhà thơ, nhạc sĩ Việt Nam. Ông từng giữ các chức vụ Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ năm 1982 đến năm 1987, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước từ năm 1987 đến 1992, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội từ năm 1992 đến năm 2002, Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội từ năm 2002 đến năm 2007, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam năm khóa (khóa 5 đến khóa 9) từ năm 1982 đến năm 2006, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội các khóa 9, 10, 11, Ủy viên Ủy ban sửa đổi Hiến pháp 1992 |
| | Tên phố: 03 | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|-----------------------|----------------------------|---------------|-----|-----------|-------------------------|---|
| 1 | Tổ dân phố 1 Mỹ Trọng | Trần Huy Liệu | Mỹ Xá | 290 | 2,5+5+2,5 | PHỐ TÀO MẠT | Tào Mạt (1930 -1993) tên thật là Nguyễn Duy Thục, sinh tại xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội, trú quán tại thành phố Nam Định, Hội viên Hội văn học Nghệ thuật Hà Nam Ninh. Ông tham gia các hoạt động cách mạng do Việt Minh tổ chức từ năm 1942, tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở Hà Tây và là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1946, khi mới 16 tuổi. Tào Mạt đặc biệt yêu thích văn học Hán-Nôm và chủ yếu tự học để nghiên cứu. Ông là sỹ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam, mang quân hàm Đại tá. Năm 1993 ông qua đời tại Hà Nội. Ông để lại khoảng 20 kịch bản chủ yếu là chèo, thơ chữ Hán. Ông được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 (năm 1996). |
| 2 | Tổ dân phố 3 Mỹ Trọng | N6 khu Công nghiệp Hoàn Xá | Mỹ Xá | 385 | 2,5+5+2,6 | PHỐ LÝ TỰ TRỌNG | Lý Tự Trọng (1914-1931) tên thật là Lê Hữu Trọng quê ở Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ông góp phần vào việc liên lạc giữa Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên với Đảng bạn và cán bộ Việt Nam hoạt động cách mạng tại Trung Quốc. Năm 1929 ông về Sài Gòn công tác tại cơ quan Trung ương An Nam Cộng sản Đảng. Ngày 09/02/1931, trong buổi mít tinh kỷ niệm một năm cuộc khởi nghĩa Yên Bái tổ chức tại Sài Gòn, khi mật thám đến đàn áp, Lý Tự Trọng đã dũng cảm bắn chết thanh tra mật thám Legrant, ông bị bắt và kết án tử hình. Trước khi bị tử hình, ông vẫn hát vang bài Quốc tế ca. |
| 3 | Tổ dân phố Vị Dương | Đường Mỹ Xá | Trần Huy Liệu | 350 | 2-5 | PHỐ VŨ DUY THIỆN | Vũ Duy Thiện (?-?) người xã An Cự, huyện Vụ Bản nay là thôn An Cự, xã Đại An, huyện Vụ Bản. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp) xuất thân khoa Mậu Tuất, năm Hồng Đức 9 (1478). Sau đỗ khoa Hoành Từ, từng được cử đi sứ sang nhà Minh, làm quan đến chức Hiến sát sứ, Nhập thị Kinh diên, tước Tử. Ông có tác phẩm: Cổ kinh lược sử và Hùng Vương ký sự. |

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|-----|---|---------------------|----------------|-------------|------------|--------------------------|--|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| IV | Khu đô thị Thống Nhất, phường Thống Nhất, Lộ Hạ: 05 tuyến (05 tuyến phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 05 | | | | | | |
| 1 | Khu ĐTM Thống Nhất, Lộ Hạ | Vũ Đình Liệu | Huỳnh Tấn Phát | 176 | 3+5,5+3 | PHÓ VƯƠNG THỪA VŨ | Vương Thừa Vũ (1910-1980), làng Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, là một vị tướng, một nhà lãnh đạo, chỉ huy có tài của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng Thủ đô, là Chỉ huy trưởng mặt trận Hà Nội năm 1946 khi toàn quốc kháng chiến. Ông cũng là Đại đoàn trưởng kiêm Chính ủy của Đại đoàn 308 - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Giám đốc Học viện Quân sự (1964), Tư lệnh Quân khu 4. Ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Quân công hạng nhất, hạng ba; Huân chương Chiến thắng hạng Nhất. |
| 2 | Khu ĐTM Thống Nhất, Lộ Hạ | Đoàn Khuê | Phạm Ngọc Hồ | 95 | 3+5,5+3 | PHÓ PHẠM TRÁNG | Phạm Tráng (?- ?) người xã Dũng Nhuệ, huyện Giao Thủy, nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Tuất niên hiệu Cảnh Thống 5 (1502) đời Lê Hiến Tông. Làm quan đến chức Hiến sát sứ. |

| | | | | | | | |
|---|---|----------------|----------------|-----|-----------------|--------------------------------|---|
| 3 | Tái định cư Đô thị Thống Nhất, Thống Nhất | Võ Nguyên Giáp | Thép mới | 111 | 1,5+5,5 +1,5 | PHỐ NGUYỄN HỮU TIẾN | Nguyễn Hữu Tiến (1901-1941) người làng Lũng Xuyên, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Năm 1927, ông tham gia cách mạng và được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Năm 1929, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập chi bộ đầu tiên ở Duy Tiên, rồi được bầu làm Phó Bí thư Ban Chấp hành tỉnh đảng bộ. Ngày 25/5/1931 ông bị bắt ở Hà Nội, bị Pháp kết án khổ sai chung thân, đày lên nhà tù Sơn La, sau đó lưu đày Côn Đảo. Ngày 30/4/1935, ông vượt ngục Côn Đảo về hoạt động ở Hậu Giang. Ngày 30/7/1940 ông bị bắt và kết án tử hình. Ngày 28/8/1941, ông bị giặc Pháp bắn chết tại Hóc Môn. |
| 4 | Đường C5, Thống Nhất | Thép Mới | Võ Nguyên Giáp | 125 | 1,5+5+2 | PHỐ HOÀNG VIỆT | Hoàng Việt (1921-1967) tên thật là Lê Chí Trực, quê xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Hiện gia đình ông sinh sống tại thành phố Bà Rịa. Năm 1945, ông tham gia Thanh niên Tiền phong. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Sau khi tốt nghiệp khoá trung cấp âm nhạc đầu tiên của Trường Âm nhạc Việt Nam, ông được cử đi học ở Nhạc viện Sofia (Bungari) về bộ môn sáng tác và chỉ huy giao hưởng. Năm 1965 ông về nước, vào miền Nam tham gia chiến đấu. Những sáng tác của ông giai đoạn này mang tên là Lê Quỳnh. Trong một trận càn của địch vào ngày 31/12/1967, tại Cái Bè (Tiền Giang) ông đã anh dũng hy sinh. Năm 1996, Nhạc sĩ Hoàng Việt được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh. |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------------|----------------------|----------------------|-----|-----|---------------------------------|---|
| 5 | Tổ dân phố số 6 Chùa Hàn Sơn | Trần Thái Tông | Võ Nguyễn Giáp | 110 | 3+9 | PHÓ THÍCH TÂM NGUYỄN | Thích Tâm Nguyễn: Hoà thượng Thích Tâm Nguyễn (1917-1990) ngài thế danh là Phạm Văn Quý, quê xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, Hà Nam. Năm 17 tuổi, ngài xuất gia tại chùa Bảo Khâm, thôn Tế Xuyên, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Năm 1959, sau khi Hoà thượng Tuệ tạng viên tịch, ngài cùng Hoà thượng Thích Tâm Thông trụ trì chùa Vọng Cung. Từ năm 1981 đến năm 1984, ngài là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đại biểu Hội đồng nhân dân phường Trần Hưng Đạo. Năm 1984, ngài là Ủy viên Ủy ban mặt trận Tổ quốc, Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Nam Định khoá 9. Ngày 13/8/1990, ngài viên tịch thọ 74 tuổi.. |
|---|---------------------------------------|----------------------|----------------------|-----|-----|---------------------------------|---|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|----------|---|---------------------|------------------|-------------|------------|---------------------------|--|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| V | Khu Tái định cư Phúc Trọng, Bãi Viên, phường Mỹ Xá, Lộc Hoà: 07 tuyến (03 tên đường và 04 tên phố) | | | | | | |
| | Tên đường: 03 | | | | | | |
| 1 | Đường D1, Phúc Tân | N19- Ngô Thế Vinh | Phạm Ngũ Lão | 866 | 5+11+5 | ĐƯỜNG PHÚC TRỌNG | Phúc Trọng Tên địa danh cũ của thành phố Nam Định. Phúc Trọng là tên ghép sau khi nhập làng Trọng Đức và làng An Phúc. Năm 1946, thuộc liên xã Mai Mỹ nay là xã Mỹ Xá, xưa đất làng có nghĩa trang Hoa kiều, nay thuộc phường Mỹ Xá. |
| 2 | Đường D5 | Ngô Thế Vinh (KDC) | Phùng Khắc Khoan | 766 | 4+9+4 | ĐƯỜNG LÂM HỮU LẬP | Lâm Hữu Lập (1877-1947) người xã Đại An, nay là thôn Đại An, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực. Ông đỗ Cử nhân khoa Canh Tý (1900). Năm 40 tuổi đỗ Phó bảng khoa Bính Thìn niên hiệu Khải Định thứ nhất (1916), làm quan Huấn đạo trường quy thức. Sau ông về quê và mất tại đây. |
| 3 | Đường D6 | Phùng Khắc Khoan | Ngô Thế Vinh | 718 | 4+9+4 | PHỐ TRẦN XUÂN VINH | Trần Xuân Vinh (1838-1891), người làng Thượng Đồng, huyện Phong Doanh, nay thuộc xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, là chí sĩ yêu nước, học trò của Hoàng giáp Phạm Văn Nghị, đỗ Phó bảng năm 20 tuổi, ông được bổ làm quan ở nhiều nơi. Ông có công chiêu mộ dân nghèo, khai hoang lập ấp, lập ra tông Tam Đồng. Sau khi giặc Pháp xâm lược, ông là lãnh tụ của nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Lạng Sơn, Ninh Bình, Nam Định, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa ở vùng Thượng Đồng, Ý Yên, Nam Định chống lại giặc Pháp. Khởi nghĩa thất bại, ông bị bắt, kết án khổ sai và đày đi Côn Đảo, là tù chính trị Côn Đảo đầu tiên dưới chế độ thực dân. Ông mất trong tù, thọ 53 tuổi. Ông được thờ tại đình Yên Tiến và còn đền thờ ông tại Ý Yên, Nam Định. |

| Tên phố: 04 | | | | | | |
|--------------------|-----|-----------|-----------------|-----|---------|---|
| 1 | N14 | D6 | Phạm Văn Ngộ | 220 | 4+7+4 | PHỐ PHẠM ĐĂNG GIẢNG Phạm Đăng Giảng (1834-?) người ở thôn Tam Đăng, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, đỗ Cử nhân khoa Giáp Tý niên hiệu Tự Đức 17 (1864), đỗ Phó bảng khoa Ất Sửu niên hiệu Tự Đức 18 (1865). Ông làm quan đến chức Bộ chính tỉnh Thanh Hóa. Sau ông được sung chức Thương biện tỉnh vụ Nam Định. |
| 2 | N15 | N14 | Đường sắt | 124 | 3+5,5+3 | PHỐ TRẦN LỰU Trần Lựu (?-?) là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông là con Trần Lượng, một vị tướng thời Hậu Trần người xã Lỗ Tự, huyện Thượng Nguyên, nay thuộc xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá, ông được vua Lê ban quốc tính nên còn gọi là Lê Lựu. Lê Lựu tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ buổi ban đầu tại Hội thề Lũng Nhai. Cuối năm 1426, tướng Trần Lựu cùng với các tướng Lê Bôi, Trịnh Khả đem quân giải phóng các vùng Hồng Châu, Bắc Giang, Lạng Sơn. Sau đó ông nhận lệnh điều động binh sĩ, chặn viện binh của Liễu Thăng ở Lạng Giang. Năm 1427, với trận phục binh ở Ai Chi Lăng, đánh tan quân xâm lược nhà Minh. Khởi nghĩa Lam Sơn thành công, tướng quân Trần Lựu được dự vào hàng công thần đệ nhất, được vua phong Trấn viễn đại tướng quân, tước Thượng trí tự |
| 3 | D8 | Xuân Thủy | Đường sắt | 150 | 5+7+5 | PHỐ TRẦN XUÂN THIỆU Trần Xuân Thiệu (1855-?) người xã La Xá, huyện Thiên Bản, nay là thôn La Chợ, xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc. Ông vốn thuộc dòng dõi Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, đỗ Cử nhân khoa Bính Tuất (1886), làm quan Đốc học Bắc Ninh. Ông có các tác phẩm về họ Trần “Trần gia bản mạt luận, Cổ hương thi tập”. |

| | | | | | | | |
|---|-----|----|-----------------|----|---------|----------------------------|--|
| 4 | N17 | D8 | Phạm Văn Ngộ | 54 | 3+5,5+3 | PHÓ NGUYỄN HUẤN | Nguyễn Huấn (?-?) tên tự là Nguyễn Đoàn Chính, quê ở Tân Cốc, tỉnh Bắc Ninh, làm chức quan Đô đốc triều Hậu Lê. Ông có công lao to lớn đối với nhân dân làng Cà, nay là thôn Gia Hoà, xã Nam Cường, huyện Nam Trực trong việc chiêu dân, lập lại làng xóm, bỏ tiền mua sắm nông cụ, trâu, bò cấp cho dân, xây cầu cống phục vụ sản xuất nông nghiệp... Ông cho tu sửa các đền, chùa, miếu, phủ làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Sau khi ông mất, nhân dân làng Cà đã tôn ông làm Phúc thần. yển đường, phò có quy mô nhỏ, ngắn; tên sử dụng theo tên P. Trần Xuân Thiệu và số tự nhiên theo hướng Bắc- Nam, Đông- Tây. |
|---|-----|----|-----------------|----|---------|----------------------------|--|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|-----|---|---------------------|----------------|-------------|------------|--------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| VI | Khu Tái Định Cư Tây Đông Mạc, phường Thống Nhất: 03 tuyến (03 tuyến phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 03 | | | | | | |
| 1 | D3- Khu Tái định cư Tây Đông Mạc | Vũ Văn Hiếu | Võ Nguyên Giáp | 105 | 2+5+1 | PHỐ PHAN BÁ VÀNH | Phan Bá Vành (?- 1827) quê ở làng Minh Giám, nay là làng Nguyệt Lâm, xã Vũ Bình, huyện Kiên Xương, tỉnh Thái Bình. Ông là một lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân ở vùng Sơn Nam hạ dưới thời vua Minh Mạng. Cuộc khởi nghĩa do Phan Bá Vành lãnh đạo đã kéo theo được lực lượng đông đảo nông dân nghèo và các số nho sĩ để chống lại triều đình. Nghĩa quân hoạt động khắp các tỉnh vùng duyên hải từ Quảng Yên đến Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, lan rộng đến cả Hòa Bình, Thanh Hóa. Phan Bá Vành đã xây dựng được căn cứ khá vững chắc ở Trà Lũ (nay là các xã Xuân Bắc, Xuân Trung, thuộc huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định để chiến đấu lâu dài. |
| 2 | Đường công 455 Trường Chinh | Lương Đình Của | Đào Duy Từ | 176 | 1,5+5+1,5 | PHỐ DOÃN KẾ THIỆN | Doãn Kế Thiện (1891-1965) quê xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, là nhà hoạt động cách mạng, nhà văn hóa nổi tiếng. Ông tinh thông Hán học và văn Quốc ngữ. Năm 1945, ông tham gia Mặt trận Việt Minh và trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động ở Mặt trận Liên Việt Liên khu 3. Năm 1955, ông trở về Hà Nội, được bầu giữ chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội. |

| | | | | | | | |
|---|----------|-------------------------|------------------|-----|-------|----------------------------|--|
| 3 | Đường N1 | Đ. Võ Nguyên Giáp | Đ. Đào Duy Từ | 150 | 2+5+2 | PHỐ ĐỖ HUY CẢNH | Đỗ Huy Cảnh (1792-1850) người xã La Ngạn, huyện Đại An, nay là xã Yên Đồng, huyện Ý Yên. Con ông là Đỗ Huy Uyển đỗ Phó bảng làm quan Biện lý Bộ Hộ. Cháu ông là Đỗ Huy Liêu đỗ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, làm quan Tham biện nội các, hiện nay vẫn còn một số bài thơ lưu lại. |
|---|----------|-------------------------|------------------|-----|-------|----------------------------|--|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|------------|--|---------------------|------------------|-------------|------------|--------------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| VII | Khu Đông Đông Mạc, phường Lộc Hạ: 01 tuyến (01 tuyến phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 01 | | | | | | |
| 1 | Đường D9 | Đ. Lã Xuân Oai | Đ. Phạm Thế Lịch | 175 | 1+5+1 | PHỐ NGUYỄN MINH TRÍ | <p>Quận công Nguyễn Minh Trí (?-?) người thôn Đồng Quỳ, xã Nam Tiên, huyện Nam Trực. Ông xuất thân là thợ đúc đồng, giữa lúc nhà Mạc và nhà Lê tranh hùng, ông sung quân giúp vua Lê đóng đồn ở An Tây. Năm 1559, quân Minh vượt biên xâm chiếm vùng biên giới, tướng chỉ huy đồn An Tây bị giết. Bấy giờ, ông đang là Ngũ trưởng, chỉ huy đội hoả đầu quân 11 người. Tình thế nguy kịch, ông cùng 11 quân hoả đầu xông lên đánh giặc. Ông dùng toàn lực chém đứt đuôi voi của tướng giặc, làm cho voi tháo chạy hất ngã quân tượng, quân giặc kinh hoàng tan vỡ. Được tin, vua Lê Anh Tông phong thưởng cho ông làm tướng, ban phong tước Nghĩa Thành quận công và có bài thơ ca ngợi.</p> |

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|------|---|---------------------|---------------------------------|-------------|----------------------|-------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| VIII | Tái định cư Hồ Bà Tràng, phường Năng Tĩnh, Trần Quang Khải: 03 tuyến (01 tuyến đường và 02 tuyến phố) | | | | | | |
| | Tên đường: 01 | | | | | | |
| 1 | D2 khu Tái Định Cư Hồ Bà Tràng+ Tuyến Ven mương Kênh Gia | Nguyễn Văn Trỗi | Nguyễn Bính | 1031 | (1-8)+ 5; (3+7+3) | ĐƯỜNG THƯỢNG HỮU | Thượng Hữu: Tên địa danh cũ của thành phố Nam Định. Tên cổ là làng Lèo, theo thần tích thì vào thời Hùng Vương, dân làng đã giúp bện lèo (quai giầy trèo thuyền) cho quân tướng nhà vua |
| | Tên phố: 02 | | | | | | |
| 1 | N2+ D1 | N1 | D2- Khu Tái Định cư Hồ Bà Tràng | 185 | 3+7+3 | PHỐ NĂNG LỰ | Đất Năng Lự nay gồm các phường Năng Tĩnh, Ngô Quyền, Trần Đăng Ninh, một phần các phường Trần Hưng Đạo và Trần Quang Khải. |
| 2 | Đường Tiên Phong (đường Tiên Phong+ Đường N6 khu TĐC Trần Nhân Tông | Âu Cơ | Trần Bích San | 390 | 3-4; 3+7+3 | PHỐ TIÊN PHONG | Tiên Phong: Tên địa danh cũ của thành phố Nam Định, nay thuộc phường Trần Quang Khải. |

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đê xuất | Diễn giải |
|-----|---|---------------------|----------------|-------------|------------|-------------------------|--|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| IX | Khu Đô thị Dệt, phường Trần Đăng Ninh, Năng Tĩnh: 15 tuyến (15 tên phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 15 | | | | | | |
| 1 | D2 | Trần Phú | Trần Đăng Ninh | 432 | 3+10,5+3 | PHỐ ĐẶNG THỊ KIM | <p>Đặng Thị Kim (1929-1948) người Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, đ/c sớm giác ngộ cách mạng, được tổ chức giao nhiệm vụ quan trọng ngay từ những năm đầu sau cuộc khởi nghĩa 8/1945. Cuối năm 1945 đ/c công tác ở đội tuyên truyền xung phong hoạt động bí mật tại Nha Trang. Thời gian này đ/c đã xây dựng lại cơ sở quần chúng phụ nữ, dân quân và lãnh đạo cuộc biểu tình ngày 30/10/1946 đòi chính phủ Pháp và Toàn quyền Đông Dương thi hành Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và trạm ước ngày 14/9/1946..., đ/c luôn tỏ rõ bản lĩnh, ý chí người nữ chiến sỹ cách mạng, mưu trí, dũng cảm, kiên cường. 12/1946, đồng chí kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương khi mới 17 tuổi. Sau đó đ/c tiếp tục hoạt động cách mạng theo sự phân công của cấp trên. Năm 1948 đ/c bị định bắt. Nhằm lấy lời khai của đ/c, định đã không từ một thủ đoạn dã man, độc ác, hèn hạ nào nhưng đ/c vẫn kiên cường, giữ tròn khí tiết cánh mạng, đón nhận các chết, chấp nhận hy sinh cả đưa con trong bụng mới 03 tháng tuổi để bảo vệ cơ sở cách mạng. Cái chết oanh liệt của đồng chí đã khiến sỹ quan trẻ người Pháp (kể ra lệnh hành quyết đ/c) không chịu nổi sự áp ảnh nên ngay đêm đó, tên này đã viết đơn xin về nước. Trước công hiến, hy sinh đó, Liệt sỹ Đặng Thị Kim được Nhà nước truy tặng, tôn vinh là Anh hùng LDVTND</p> |

| | | | | | | | |
|---|----|----------------------|----------|-----|--------------|-----------------------------|---|
| 2 | D4 | Trần Đặng Ninh | Trần Phú | 430 | 5+10,5+ 5 | PHỐ PHẠM SỰ MẠNH | Phạm Sự Mạnh (1303- 1384) là nho sĩ nổi tiếng triều Trần, tên thật là Phạm Độ, tự Nghĩa Phu, hiệu Uý Trai, người làng Hiệp Thạch, huyện Hiệp Sơn, phủ Kinh Môn, nay là xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông đỗ Thái học sinh đời Trần Minh Tông, từng giữ chức: Chương bạ thư kiêm tham chính viện Khu mật, Nhập nội Hành khiển tri Khu mật viện sự, Hành khiển Tả ty lang trung, Nhập nội nạp ngôn. Ông làm quan, trải qua các triều vua: Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông. |
| 3 | D5 | Trần Phú- | N3 | 240 | 3+7,5+3 | PHỐ VŨ CÔNG CHẤN | Vũ Công Chấn (1618-1698) người tổng An Cự, huyện Thiên Bản, nay là xã Đại An, huyện Vụ Bản. Ông là một vị đại quan dưới triều vua Lê- chúa Trịnh, lập được nhiều công trạng với triều đình nên được phong tới chức Tả hữu Đô đốc Luân Quận công. Luân Quận công Vũ Công Chấn đã đốc công xây dựng nhiều công trình nổi tiếng của đất nước. Tên tuổi của ông đã được lưu truyền và sử sách ghi nhận. |

| | | | | | | | |
|---|----|----|-----------------------------|-----|---------|----------------------------|---|
| 4 | N3 | D2 | Hoàng Hoa Thám | 300 | 3+7,5+3 | PHỐ ĐOÀN VĂN CỪ | Đoàn Văn Cừ (1913-2004) quê xã Nam Lợi, là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ mới. Trước Cách mạng tháng Tám, ông dạy học và tham gia phong trào công nhân Nhà máy sợi Nam Định (1936). Năm 1946, ông tham gia Hội đồng nhân dân tỉnh. Năm 1948, ông tòng quân tham gia kháng chiến chống Pháp (làm công tác văn nghệ, phiên dịch, công tác địch vận Liên khu III). Từ năm 1959, là cán bộ biên tập Nhà xuất bản Phổ thông (Bộ Văn hóa). Năm 1974, công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Nam Ninh. Ông đã sáng tác và xuất bản nhiều ấn phẩm như: Thôn ca (thơ- 1944), Thơ lửa (thơ in chung- 1947), Việt Nam huy hoàng (thơ-1948), Quân dân Nam Định anh dũng chiến đấu (phóng sự - 1953), Trần Hưng Đạo, Anh hùng dân tộc (thơ-1958), trong số đó có bài thơ nổi tiếng là bài Chợ Tết in năm 1939. |
| 5 | N5 | D1 | D5, Hoàng Hoa Thám | 250 | 3+7,5+3 | PHỐ VŨ HUY TRÁC | Vũ Huy Trác (1730-1793) quê xã Lộng Điền, huyện Đại An nay là thôn Lộng Điền, xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng. Năm 1768 ông được thăng Tri huyện Nam Chân. Năm 43 tuổi ông đỗ Tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn (1772) đời Lê Hiển Tông. Năm 1777 ông giữ chức Giám sát ngự sử Thanh Hoá, Hiến sát sứ Kinh Bắc. Ông được đảm nhiệm nhiều chức vụ như Hàn lâm viện Thị giảng, Hàn lâm viện Thị độc. Năm 1788 ông giữ chức Lễ bộ Tả thị lang, kiêm Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Giám quân đạo Sơn Nam. Về sau ông về quê dạy học. Ông nổi tiếng giỏi văn chương, người đường thời tôn vinh ông là “Thần phú”. |

| | | | | | | | |
|---|----|----|----|-----|---------|------------------------------------|---|
| 6 | N6 | D1 | D4 | 360 | 3+7,5+3 | PHÓ NGUYỄN KHẢI | Nguyễn Khải (1930-2008) ông tên thật là Nguyễn Mạnh Khải, quê nội ở phố Hàng Nâu, nay là phố Minh Khai, Thành phố Nam Định. Năm 1947, ông gia nhập đại đội Vũ Hồ, thuộc tỉnh đội Hưng Yên. Năm 1951 là thư ký toà soạn báo Chiến sĩ quân khu III. Từ năm 1956 là phóng viên Tạp chí Văn nghệ quân đội, Ủy viên Ban Chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khoá II và III, Phó Tổng thư ký khoá III. Đại biểu Quốc hội khoá VII. Ông mất năm 2008, tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông có các tác phẩm Mùa lạc, Xung đột, Một chặng đường, Người trở về... Ông là nhà văn được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và là gương mặt nổi bật của thế hệ nhà văn trưởng thành sau Cách mạng Tháng Tám. (Theo đề nghị của đơn vị) |
| 7 | N1 | D4 | D2 | 135 | 3+7,5+3 | PHÓ HOÀNG KHẮC DƯỢC | Hoàng Khắc Dược (1917-1971), quê quán: thôn Mai Xá, xã Mỹ Xá, TP Nam Định. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1947, từng giữ chức Tiểu đội trưởng nuôi quân thuộc Trung đoàn 66, Đại đoàn 304. Trong kháng chiến ông đã lập được nhiều chiến công hiển hách, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương về vàng. Năm 1955, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân |
| 8 | N2 | D4 | D2 | 135 | 3+7,5+3 | PHÓ PHẠM ĐÌNH HỒ | Phạm Đình Hồ (1768-1839) còn có tên gọi là Chiêu Hồ, là con của Tham tri Phạm Đình Dư, người huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Ông một danh sĩ thời vua Minh Mạng, có biệt tài đọc rộng, biết nhiều nhưng không thi đỗ, lại gặp thời loạn lạc nên sống ẩn dật. Năm 1821, vua Minh Mạng vời ông về triều bổ làm Hành tẩu viện Hàn lâm. Năm 1826 cho làm Thừa chỉ viện Hàn lâm và Tế tửu Quốc Tử Giám. Năm 1832, ông trí sĩ. Ông mất năm 1839, thọ 71 tuổi. Ông có các tác phẩm: Lê triều hội điển, An Nam chí, Ai Lao sứ trình, Vũ Trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục... |

| | | | | | | | |
|----|----|----|----------|-----|---------|---------------------------|---|
| 9 | N4 | D2 | D1 | 110 | 3+7,5+3 | PHỐ BÙI VĂN BA | Bùi Văn Ba (1912-1950) quê xã Hải An, huyện Hải Hậu. Anh hùng, liệt sĩ Bùi Văn Ba là đặc phái trình sát miền Hải Hậu của Ty Công an Nam Định. Tháng 8-1946, cấp trên điều động đồng chí tăng cường cho lực lượng vũ trang Liên khu 2, sau đó, bổ sung vào Trung đoàn 34 chiến đấu tại chiến trường Hà - Nam - Ninh. Đồng chí Bùi Văn Ba được giao là đội trưởng đội công tác, chỉ đạo công an, dân quân, du kích trong vùng treo cờ đỏ búa liềm và rải truyền đơn ở tất cả các làng, xã ở các xã Hải An, Hải Toàn, Hải Phong vào đêm 18-8-1950. Việc bại lộ, đồng chí bị địch bắt, tra tấn dã man, nhưng không làm lung lạc ý chí thép của người cộng sản. Ngày 14-12-1950 chúng hèn hạ đưa đồng chí ra sông Ninh Cơ thủ tiêu. Năm 2014, Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cho liệt sĩ Bùi Văn Ba. |
| 10 | D1 | N4 | Trần Phú | 126 | 3+7,5+3 | PHỐ HÀ CHƯƠNG | Hà Chương (?-?) là một danh tướng thời vua Trần Nhân Tông. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai, ông không may bị bắt. Lợi dụng quân giặc sơ hở, ông đã lấy được một số lá cờ và quân trang của giặc trốn về dâng lên chủ tướng, xin dùng cho quân sĩ trá hình làm quân giặc để trà trộn vào tấn công. Mưu kế thành công, giặc tan vỡ sau nhiều trận đột kích do ông chỉ huy. |

| | | | | | | | |
|----|----|----------|----|-----|---------|--------------------------------|--|
| 11 | D6 | N3 | N5 | 146 | 3+7,5+3 | PHỐ TRẦN MẠNH PHẤN | Trần Mạnh Phấn (1926-1968) quê xã Hải Anh, huyện Hải Hậu. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Tham gia 6 chiến dịch lớn: Chiến dịch Biên giới (1950); Chiến dịch Hòa Bình (1952); Chiến dịch Tây Bắc (1952); Chiến dịch Thượng Lào- Sầm Nưa (1953); Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954); Chiến dịch đường 13. Ngày 28/12/1953 Ông cùng đồng đội bắn chết Trung tá Guyth, quan 5- Pháp- Tham mưu trưởng của tướng Đờ Cát, mở chiến dịch Điện Biên Phủ: 2 lần vẽ bản địa trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mỹ: Với cương vị Tiểu đoàn phó Trinh sát, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 308, ngày 15/5/1968, ông đã chiến đấu xuất sắc trong trận đánh tại Củ Chi bắn cháy 5 xe tăng Mỹ và tiêu diệt nhiều quân địch của Sư đoàn 25 (Sư đoàn tia chớp Nhiệt đới Mỹ) và anh dũng hy sinh. Ông được chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân ngày 23/2/2010 |
| 12 | D7 | N3 | N5 | 146 | 3+7,5+3 | PHỐ TRẦN DOÃN ĐẠT | Trần Doãn Đạt (1822-?), người xã Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nay là phường Vị Xuyên, TP Nam Định. Ông đỗ cử nhân khoa Nhâm Tý (1852), đỗ Phó bảng khoa Ất Sửu niên hiệu Tự Đức 18 (1865). Ông làm quan đến chức Đốc học Quảng Nam. |
| 13 | D8 | Trần Phú | N9 | 180 | 3+7,5+3 | PHỐ PHÚC ĐƯỜNG | Phúc Đường. Tên địa danh cũ của thành phố Nam Định. |
| 14 | N7 | D4 | D8 | 165 | 3+7,5+3 | PHỐ PHẠM QUANG DIỆU | Phạm Quang Diệu (?-?) người xã Phương Định, huyện Trực Ninh. Ông thi đỗ Hương Cống triều Lê, làm quan Tri phủ Kiến Xương, đi sứ phương Bắc, về triều được vua khen ngợi ban cho 10 mẫu ruộng trong xã. Ông đem 5 mẫu tiến vào chùa, còn 5 mẫu bán đi bắc cầu đá, gọi là cầu Phụng sứ. |

| | | | | | | | |
|----|-----|----|----|-----|---------|---|--|
| 15 | N10 | D4 | D8 | 165 | 3+7,5+3 | <p style="text-align: center;">PHÓ ĐỖ DƯƠNG THANH</p> | <p>Đỗ Dương Thanh (1878-1946) người xã Đại An, huyện Thượng Nguyên, nay là thôn Đại An, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực. Ông đỗ Cử nhân khoa Canh Tý (1900). Năm 24 tuổi đỗ Phó bảng khoa Tân Sửu niên hiệu Thành Thái 13 (1901), làm quan đến chức Án sát. Sau ông về trí sĩ và mất tại quê nhà. Ông viết nhiều tác phẩm, trong đó có tác phẩm Thế gian nghịch cảnh lý.</p> |
|----|-----|----|----|-----|---------|---|--|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đê xuất | Diễn giải |
|----------|--|---------------------|------------------|-------------|------------|----------------------------|--|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| X | Tái Định cư phường Cửa Nam: 05 tuyến (05 tên phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 05 | | | | | | |
| 1 | D1 | Đ. Vũ Hữu Lợi | Đ. Phong Lộc Tây | 340 | 5+8+5 | PHỐ KHIẾU NĂNG TỈNH | Khiếu Năng Tỉnh (1835-?) người thôn Trục Mỹ, xã Yên Cường, huyện Ý Yên. Đỗ cử nhân khoa Mậu Dần niên hiệu Tự Đức 31 (1878). Năm Canh Thìn (1880) ông vào Huế dự thi Hội đỗ Hội nguyên. Tại kỳ thi Đình tháng 4 năm 1880, Khiếu Năng Tỉnh đã đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Ông làm quan triều đình nhà Nguyễn với nhiều trọng trách: Đốc học Nam Định và Hà Nội, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, Tư nghiệp rồi Tế tửu Quốc Tử Giám. Giữ chức Đốc học Nam Định và Hà Nội. Ông đã có công đào tạo và lựa chọn được nhiều người tài giỏi có công với nước nhà. |
| 2 | D2 | Đường N1 | Đường D3 | 130 | 3+7+3 | PHỐ PHẠM ĐẠO BẢO | Phạm Đạo Bảo (1456-?) người huyện Đại An, nay là huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ, xuất thân khoa Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức 18 (1487) đời Lê Thánh Tông. Năm 1493, ông cầm quân đi dẹp loạn ở Hưng Hóa, ông được phong Võ huân tướng công Tả hiệu điện, Phó đô Ngự sử và cử đi trấn thủ Nghệ An. Sau khi ông mất được ban tặng Thiếu phó Phạm tướng quân. Ông là người có công trong việc khai hoang lập nên làng Hưng Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. |

| | | | | | | | |
|---|----|----------|----------|-----|-------|----------------------------------|--|
| 3 | D3 | Đường N1 | Đường D1 | 180 | 3+7+3 | PHỐ VŨ THIỆN ĐỀ | Vũ Thiện Đề (1854-1916) sinh trong gia đình nghèo tại xóm Vạn, làng Bách Cốc, nay là xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản. Khi còn nhỏ, ông theo học cha mình là Vũ Thiện Bản, giữ chức Chánh đội trưởng thủy vệ đội Nam Định. Lớn lên ông theo học Tiến sỹ Khiếu Năng Tĩnh. Năm Tân Mão (1891), ông đỗ Cử nhân, năm sau đậu Phó bảng, được bổ chức Tri huyện Thanh Hà (Hải Dương). Làm quan ở đây ông có công dẹp loạn cường hào, thổ phỉ khiến đời sống nhân dân ổn định, được triều đình thăng thưởng. Về sau ông được bổ làm Tuần phủ Ninh Bình, rồi Tuần phủ Hà Nam, kiêm Tham tri bộ Binh, trông coi dẹp bọn thổ phỉ ở Thanh Hóa. Ông mất năm Bính Thìn (1916), được phong là Linh ứng Phúc thần |
| 4 | D4 | Đường N1 | Đường D1 | 200 | 0,8+4 | PHỐ NGUYỄN TUẤN THÔNG | Nguyễn Tuấn Thông (1738-1780) tên tự là Tuấn Hoàn, tên hiệu là Viêt Mẫn, quê quán thôn Mạt Lãng Thượng, xã Mạt Lãng, tổng Thần Lộ, huyện Nam Chân, Phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam, nay thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh. Nguyễn Tuấn Thông là tổ đời thứ 2 của họ Nguyễn Mậu sinh sống tại thôn Mạt Lãng Thượng. Đây là dòng họ khoa bảng nổi tiếng của xứ Kinh Bắc, có nhiều người đỗ đạt. Nguyễn Tuấn Thông đỗ Hương cống thời Cảnh Hưng (1740-1786). Ông được vào học ở Quốc Tử Giám, sau đó được triều đình bổ giữ chức Tri huyện Mỹ Lộc. |

| | | | | | | |
|---|----|----------|----------|-----|-------|---|
| 5 | N2 | Đường D3 | Đường D1 | 110 | 3+7+3 | <p style="text-align: center;">PHÓ LÊ CHÂU</p> <p>Lê Châu (1614-1672) người thôn Dị Sử, huyện Thượng Nguyên, phủ Thiên Trường, nay là thôn Dị Sử, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc. Ông là người văn võ song toàn, tài ba lỗi lạc có nhiều công lao dẹp giặc, trị quốc yên dân, được cử giám sát mọi việc trong triều, được triều đình nhà Lê trọng dụng. Năm 1668, ông được phong làm Đô đốc Thiêm sự. Sau khi ông mất, vua Lê Gia Tông đã truy phong ông làm Phụ Quốc Thượng tướng quân, Trung quân phủ, Đô đốc phủ, Đô đốc đồng tri lập Quận công, Thượng trụ quốc, thượng trật Lê Châu và được xây lăng miếu, lập bia ghi công đức.</p> |
|---|----|----------|----------|-----|-------|---|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đền xuất | Diễn giải |
|-----|--|---------------------|---------------|-------------|------------|-------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| XI | Khu Tái Định Cư Đồng Quýt, xã Lộc An: 03 tuyến (03 tên phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 03 | | | | | | |
| 1 | Đường trục xóm Trại | Văn Cao | Nguyễn Văn Cừ | 220 | 3-7 | PHỐ TRẦN THỌ QUẾ | Trần Thọ Quế (1688 -?) hiệu là Bút Văn Tử, người xã Vị Hoàng, huyện Mỹ Lộc, nay thuộc phường Vị Hoàng, TP Nam Định. Năm 34 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1721, làm quan đến chức Công bộ Hữu thị lang. Đối với nhân dân làng Vị Hoàng, nay là phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, Tiên sĩ Trần Thọ Quế còn là người mở đầu cho truyền thống khoa bảng của vùng đất này. |
| 2 | N4- Khu TĐC Đồng Quýt | Đặng Thai Mai | Phan Huy Ích | 45 | 3+6,5+3 | PHỐ NGUYỄN AN | Nguyễn An (1381-1453) là một kiến trúc sư nổi tiếng đời vua Trần Thuận Tông. Năm Đinh Hợi (1407), quân Minh xâm lược nước ta, chúng cho bắt một số người tài giỏi về mọi ngành nghề đưa về Kim Lăng (Trung Quốc), trong số đó có Nguyễn An. Ông là một người giỏi về kiến trúc, được vua Minh Anh Tông trọng dụng phong làm Thái giám. Nhân khi xây dựng kinh thành Bắc Kinh, ông được tiên cử. Vua Minh giao cho ông đốc suất toàn thể nhân công, cùng với đô đốc nhà Minh lo việc thiết kế, thi công. Trong quyển Kinh kì kí thắng của Dương Sĩ Kì, một viên quan nhà Minh có ghi lại quần thể kiến trúc cung điện và khen ngợi tài năng của Nguyễn An trong việc tu tạo Cố cung. Ông mất năm 1453, thọ 72 tuổi.. |

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|------------------|-----------------|----|---------|--|--|
| 3 | N5- Khu TĐC Đông Quýt | Đặng Thai Mai | Phan Huy Ích | 45 | 3+6,5+3 | <p style="text-align: center;">PHÓ NGUYỄN QUYỀN</p> | <p>Nguyễn Quyền (1870-1941) quê ở làng Thượng Trì, xã Thượng Mão, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông là một chí sĩ yêu nước thời cận đại và là một trong những người sáng lập phong trào Đông Kinh nghĩa thực. Ông đỗ Tú tài năm 1897, được bổ làm Huân Quyền tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, ông từ quan cùng Lương Văn Can lập Trường Đông Kinh Nghĩa Thực ở Hà Nội, cổ động cách tân, học chữ quốc ngữ, đến tháng 9 thì trường đóng cửa. Năm 1908, ông bị bắt giam ở Hỏa Lò, sau bị kết án đày ra Côn Đảo. Năm 1910, ông được trả tự do. Ông mất năm 1941, thọ 72 tuổi.</p> |
|---|--------------------------|------------------|-----------------|----|---------|--|--|

| STT | Tên hiện tại/ Tên kỹ thuật | Điểm đầu, điểm cuối | | Mặt cắt (m) | | Tên Đề xuất | Diễn giải |
|------------|--|---------------------|-------------------------|-------------|------------|--------------------------|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Dài | Hiện trạng | | |
| XII | Khu Tái định cư Liên Hà, phường Lộc Hạ: 06 tuyến (06 tên phố) | | | | | | |
| | Tên phố: 06 | | | | | | |
| 1 | N2 | D2 | D1 khu tái ĐC Liên Hà 1 | 112 | 2+5,5+2 | PHỐ PHẠM NHỮ TĂNG | Phạm Nhữ Tăng (?-1477) người làng Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, ông xuất thân từ đường khoa cử, làm quan đến chức Thái bảo kiêm quân dân chính sự vụ đời Lê Nhân Tông. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu đánh Chiêm Thành. Nhà vua cho thành lập Thừa tuyên Quảng Nam, Phạm Nhữ Tăng được trao quyền quản trị vùng đất mới, tạo lập làng xã. Năm 1472, ông được vua Lê Thánh Tông trao chức Đô ty Quảng Nam kiêm trấn phủ Hoài Nhân. Khi ông mất được triều đình sắc phong là Thượng đẳng phúc thần. |
| 2 | N3+N4 | D2 | Lưu Hữu Phước kéo dài | 312 | 3+7+3 | PHỐ DUY TÂN | Duy Tân (1900-1945) là vua yêu nước, vị Hoàng đế thứ 11 của nhà Nguyễn. Năm 1916, ông bí mật liên lạc với các lãnh tụ Việt Nam Quang Phục Hội như Thái Phiên, Trần Cao Vân, dự định khởi nghĩa. Khởi nghĩa thất bại vua Duy Tân bị bắt ngày ngày 6 tháng 5 và đến ngày 3 tháng 11 năm 1916 ông bị đày trên đảo Réunion. Trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) ông gia nhập quân Đồng Minh chống phát xít Đức. Ngày 26 tháng 12 năm 1945, ông mất vì tai nạn máy bay ở Cộng hoà Trung Phi ở tuổi 45. |

| | | | | | | | |
|---|-----------------------------|----------------------------------|----------------------|-----|---------|-------------------------------|---|
| 3 | N5+N6 | N4 | N3 khu TĐC Liên Hà 1 | 206 | 3+3,5+1 | PHÓ DUƠNG KHUÊ | Dương Khuê (1839-1902) quê làng Vân Đình, phủ Ứng Hoà, nay là huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Ông là một danh sĩ thời vua Tự Đức, hiệu là Vân Tri. Dương Khuê nổi tiếng là văn hay chữ tốt, đỗ Cử nhân năm 20 tuổi. Năm 1868, ông thi đỗ Tiến sĩ, được bổ làm Tri phủ Bình Giang, rồi thăng làm Bố chính. Giặc Pháp xâm lược, ông dâng sớ xin vua Tự Đức đánh Pháp. Vua Tự Đức xem sớ rồi giáng ông làm Chánh sứ Sơn phòng, trông nom khai hoang. Thời gian sau ông làm Án sát Hải Phòng, Đốc học Nam Định, rồi thăng làm Bố chính. Thời vua Thành Thái ông làm Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Sau về trí sĩ được tặng hàm Thượng thư Bộ Binh. Năm 1902, ông mất thọ 62 tuổi. |
| 4 | D1 | D1 khu TĐC Liên Hà 1 | Ngõ 193 Thanh Bình | 178 | 3+7+3 | PHÓ CHU MẠNH TRINH | Chu Mạnh Trinh (1862-1905) người làng Phú Thị, huyện Đông Yên nay là huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, là một danh sĩ nổi tiếng, tên tự là Cán Thần, hiệu là Trúc Vân. Năm 1862, ông đỗ Tiến sĩ, được bổ làm Tri phủ Lý Nhân sau đó thăng chức Án sát ở các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Ông nổi tiếng là người văn hay chữ tốt. Năm 1903, ông từ quan về dưỡng bệnh. Năm 1905, ông mất thọ 43 tuổi. |
| 5 | Đường Lưu Hữu Phước kéo dài | Tuyến số 5 (khu đô thị Mỹ Trung) | Đường Thanh Bình | 420 | 5+9+5 | PHÓ ĐỖ CÔNG HẠO | Quan huấn đạo Đỗ Công Hạo là nhân vật được thờ tự tại Di tích quốc gia Đền Tuân Lạc, xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Ông sinh ra ở quê hương Tuân Lạc, là người đầu tiên mở mang nền học vấn cho nhân dân trong làng và có công phò giúp triều đình nhà Lê sơ trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước. |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------------|------------|---------------------|-----|----|---|---|
| 6 | Ngõ 157 (có đường N1 Khu TĐC Liên Hà) | Thanh Bình | Khu đô thị Mỹ Trung | 360 | 10 | <p style="text-align: center;">PHÓ ĐÀO DUY ANH</p> | <p>Đào Duy Anh (1904-1988) quê ở làng Khúc Thủy, Hà Đông. Năm 1926, tham gia Đảng Tân Việt. Ông cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng ra báo “Tiếng dân”, thành lập “Quan Hải tùng thư”. Sau Cách mạng tháng Tám, ông là uỷ viên Ban chấp hành Hội văn hoá cứu quốc Trung bộ, Giáo sư Đại học Văn khoa tại Hà Nội năm 1946. Ông là một trong số ít nhân vật Việt Nam được ghi tên vào Bộ từ điển Larousse với tư cách là một Nhà bách khoa toàn thư của thời hiện đại. Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.</p> |
|---|---------------------------------------|------------|---------------------|-----|----|---|---|

B. BẢNG TỔNG HỢP TUYẾN ĐƯỜNG, PHÓ ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM ĐẦU, ĐIỂM CUỐI.

| STT | Tên đường, phố hiện tại | Chiều dài hiện tại (m) | <i>Điểm đầu cũ</i> | <i>Điểm đầu mới</i> |
|-----|------------------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------------------|
| | | Chiều dài sau điều chỉnh tăng (m) | <i>Điểm cuối cũ</i> | <i>Điểm cuối mới</i> |
| 1 | Phố Phạm Thế Lịch | 109 | Nguyễn Đức Cảnh | Nguyễn Đức Cảnh |
| | | 169 | Nguyễn Thi | Nguyễn Đức Thuận |
| 2 | Đường Trần Huy Liệu | 1890 | Từ Ngã 6 Năng Tĩnh | Từ Ngã 6 Năng Tĩnh |
| | | 2740 | Cầu Mai Xá | Cầu An Duyên |
| 3 | Đường Vũ Trọng Phụng | 1700 | Thép Mới (Cầu Sắt) | Thép Mới |
| | | 2000 | Quốc lộ 10 | Cuối khu dân cư, Tổ dân phố số 8 |
| 4 | Đường Trương Hán Siêu | 900 | Ngã 3 Giải Phóng | Ngã 3 Giải Phóng |
| | | 1148 | Ngã 3 Phùng Chí Kiên | Ngã 3 Trần Anh Tông |
| 5 | Đường Yết Kiêu | 1300 | Ngã 3 Đông A | Ngã 4 Đông A |
| | | 330 | Trần Anh Tông | Ngã 3 Trương Hán Siêu |

V- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1-Kết luận:

- Trong những năm vừa qua Cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển, diện mạo đô thị đổi thay. Các công trình trọng điểm được hoàn thành và đưa vào sử dụng tạo điểm nhấn cho thành phố như: Cầu Tân Phong, đường nối Quốc lộ 10- Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38B, hạ tầng khu đô thị mới Hoà Vương, Thống Nhất, Mỹ Trung, Khu đô thị phía Nam Sông Đào, Khu đô thị Dệt, Khu Tái Định Cư Liên Hà và tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố.... Các tuyến đường đã hoàn thành và từng bước hoàn thành đưa vào sử dụng, đã được đầu tư xây dựng và phục vụ nhu cầu nhà ở cho nhân dân. Do đó việc đặt tên đường, tên phố và các công trình công cộng trên địa bàn thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là hết sức cần thiết, phù hợp với sự đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thành phố, đáp ứng mong muốn của chính quyền các cấp và nguyện vọng của nhân dân.

- Đề án đặt tên đường, phố và các công trình công cộng đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, khoa học, đặt tên đường, tên phố và các công trình công cộng là tên các sự kiện lịch sử, tên địa danh nổi tiếng, tên các danh nhân của đất nước, của tỉnh, thành phố theo các quyết định của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh: Quyết định số 334/QĐ-HĐTV ngày 11/10/2021 của Hội đồng tư vấn tỉnh Nam Định.

II-Kiến nghị:

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua việc đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng năm 2024 trên địa bàn thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để có cơ sở triển khai thực hiện, phục vụ giao dịch, quản lý hành chính của địa phương./.

Nơi nhận:

- HĐ tư vấn tỉnh Nam Định;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: VT, BXDDA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Huy Thành